

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 85/2023/HS-ST
Ngày: 28-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí.

Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Mạnh T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1977, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: 18A/33, khu phố 5, phường Hố Nai, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: Tổ 42, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn Tiếp, sinh năm 1935; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Vẻ, sinh năm: 1936; Bị cáo là con thứ 07 trong gia đình có 08 anh chị em; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Mai Phương, sinh năm 1979 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2022, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt từ ngày 06/11/2022, hiện bị cáo đang bị giam giữ tại Nhà tạm giữ thành phố Biên Hòa. (Bị cáo có mặt).

* **Bị hại:** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ 13, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 14 giờ ngày 15-5-2022, ông Nguyễn Văn P – sinh năm 1956, ngụ tại tổ 13, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và Nguyễn Mạnh T cùng ăn nhậu tại quán gỏi vịt “Thịnh

Phát” thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, ông P điều khiển xe mô tô chở T về nhà ông P địa chỉ nêu trên để hát karaoke. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, ông P điều khiển xe mô tô chở T về nhà của T tại địa chỉ tổ 42, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trên đường về, T rủ ông P đi hát karaoke tiếp nhưng ông P từ chối dẫn đến T và ông P có lời qua tiếng lại cãi nhau. Khi đến đoạn ngã ba đường hẻm thuộc tổ 11, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (gần nhà của T), ông P nói có ý chê nhà T nhỏ làm T bức tức. T vào nhà lấy 01 (Một) kéo bằng kim loại dài khoảng 20cm, mũi nhọn, lưỡi kéo mỗi bên rộng khoảng 02cm, cán bọc nhựa (một bên màu đỏ và một bên màu vàng) cầm đi ra đường để đâm ông P.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, tại đoạn đường ngã ba hẻm nêu trên, khi ông P vừa lên xe mô tô để đi về thì T cầm kéo xông đến đâm nhiều nhất trúng vùng đầu, vùng mặt ông P gây thương tích, ông P dùng tay chống đỡ và giằng kéo từ tay T thì bị lưỡi kéo cửa vào bàn tay gây thương tích. T tiếp tục dùng kéo đâm trúng vùng vai trái ông P gây thương tích. Sau đó, T đi vào nhà, ông P được mọi người đưa đi cấp cứu, điều trị thương tích tại Bệnh viện đa khoa Đồng Nai.

Quá trình điều tra, Nguyễn Mạnh T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 (Một) kéo bằng kim loại dài khoảng 20cm, mũi nhọn, lưỡi kéo mỗi bên rộng khoảng 02cm, cán bọc nhựa (một bên màu đỏ và một bên màu vàng) của Nguyễn Mạnh T sử dụng gây án.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0684/TgT/2022 ngày 29-6-2022 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận thương tích của ông Nguyễn Văn P như sau:

“Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo thái dương vùng đỉnh trái kích thước 0,5x0,2cm. Tỷ lệ: 01%
- Sẹo thái dương vùng đỉnh trái kích thước 0,5x0,2cm. Tỷ lệ: 01%
- Sẹo trán trái trong chân tóc kích thước 01x0,2cm. Tỷ lệ: 01%
- Sẹo trán trái trong chân tóc kích thước 01x0,2cm. Tỷ lệ: 01%
- Sẹo tháp mũi bên phải kích thước 0,3x0,2cm. Tỷ lệ: 03%
- Sẹo đuôi cung mày trái kích thước 02x0,2cm. Tỷ lệ: 03%
- Sẹo vai trái kích thước 07x0,3cm. Tỷ lệ: 02%
- Sẹo mỏ vai trái kích thước 09x0,3cm. Tỷ lệ: 02%
- Sẹo mỏ vai trái kích thước 08x0,3cm. Tỷ lệ: 02%
- Sẹo gan bàn ngón 1 tay phải kích thước 5x0,2cm. Tỷ lệ 01%
- Sẹo vết thương trên nền vết mổ ngón 3 tay phải kích thước 4,5x0,3cm.

Tỷ lệ: 02%

- Sẹo vết thương trên nền vết mổ ngón 4 tay phải kích thước 7,5x0,3cm.

Tỷ lệ: 02%

- Sẹo ngón 3 bàn tay trái kích thước 1,5x0,1cm. Tỷ lệ: 01%
- Sẹo ngón 4 bàn tay trái kích thước 01x0,2cm. Tỷ lệ: 01%
- Tổn thương gãy mỏm trán xương hàm trên phải. Tỷ lệ: 08%
- Tổn thương mẻ bản ngoài xương sọ vùng trán trái dưới 03cm. Tỷ lệ:

05%

- Tổn thương mẻ bản ngoài xương sọ vùng trán trái dưới 03cm. Tỷ lệ:

05%

- Tổn thương mẻ bản ngoài xương sọ vùng đỉnh trái dưới 03cm. Tỷ lệ: 05%
- Tổn thương mẻ bản ngoài xương sọ vùng đỉnh trái dưới 03cm. Tỷ lệ: 05%
- Tổn thương mẻ xương hàm trên phải. Tỷ lệ: 01%
- Tổn thương đứt cơ Delta, cơ ngực lớn, gân cơ chóp xoay bên trái hiện để lại hạn chế các động tác vai trái ít. Tỷ lệ: 11%

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28-8-2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn P áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là 48% (Bốn mươi tám phần trăm).

Vật gây thương tích:

- Thương tích đầu: Vật sắc nhọn.
- Sây sát da mặt: Vật tày.
- Thương tích vai trái, tay hai bên: Vật sắc”.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn P yêu cầu bị cáo Nguyễn Mạnh T bồi thường chi phí điều trị và các khoản thiệt hại khác với tổng số tiền là 186.771.816đ (Một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn tám trăm mười sáu đồng). Bị cáo T chưa bồi thường cho ông P.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã nhận tội theo như nội dung cáo trạng mô tả và không có ý kiến hay khiếu nại kết luận giám định nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo và không có ý kiến về kết luận giám định.

Tại Bản cáo trạng số 25/CT-VKSBH-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh T về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T mức án tù 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng đến 06 (Sáu) năm tù giam.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (Một) kéo bằng kim loại dài khoảng 20cm, mũi nhọn, lưỡi kéo mỗi bên rộng khoảng 02cm, cán bọc nhựa (một bên màu đỏ và một bên màu vàng) của bị cáo Nguyễn Mạnh T dùng làm hung khí thực hiện tội phạm.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T bồi thường chi phí điều trị thương tích và các khoản thiệt hại khác cho là ông Nguyễn Văn P theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Bị cáo Nguyễn Mạnh T đã khai nhận: Vào khoảng 15 giờ ngày 15-5-2022, tại đoạn đường hẻm thuộc tổ 11, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, do Nguyễn Mạnh T bức tức về việc ông Nguyễn Văn P từ chối đi hát karaoke với T và chê bai nhà của T nhỏ nên T có hành vi sử dụng 01 (Một) kéo bằng kim loại dài khoảng 20cm, mũi nhọn, lưỡi kéo mỗi bên rộng khoảng 02cm, cán bọc nhựa đậm nhiều nhất trùng vùng đầu, mặt, vai, tay ông P gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 48% (Bốn mươi tám phần trăm).

Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai của bị hại và người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 25/CT-VKSBH-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương; xâm phạm đến giá trị đạo đức nhân văn giữa người với người; gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã trưởng thành, nhận thức được hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo lại lựa chọn phương thức dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn. Vì vậy, cần thiết xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) kéo bằng kim loại dài khoảng 20cm, mũi nhọn, lưỡi kéo mỗi bên rộng khoảng 02cm, cán bọc nhựa (một bên màu đỏ và một bên màu vàng) của bị cáo Nguyễn Mạnh T dùng làm hung khí thực hiện tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại là ông Nguyễn Văn P yêu cầu bị cáo Nguyễn Mạnh T bồi thường chi phí điều trị và các khoản thiệt hại khác với tổng số tiền là 186.771.816đ (Một trăm tám mươi sáu triệu bảy

trăm bảy mươi một nghìn tám trăm mười sáu đồng). Tại phiên tòa, bị cáo T chỉ đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Văn P số tiền 40.000.000 đồng thì ông P không đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tổng thời gian điều trị và nghỉ theo chỉ định của bác sĩ thể hiện trong Giấy ra viện của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai là từ 15/5/2022 đến 21/5/2022 (là 11 ngày); mức lương tối thiểu vùng của khu vực I - Thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022) là 4.680.000đồng/26 ngày = 180.000 đồng; mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước là 1.490.000 đồng. Trong đó:

- Chi phí khám chữa bệnh của ông P gồm: Tiền viện phí là 8.614.444 đồng; tiền tái khám là 157.372 đồng.

- Tiền xe chở ông P đi cấp cứu: 1.000.000 đồng.

- Tiền điều trị vật lý trị liệu hồi phục cho ông P: 4.000.000 đồng.

- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe của ông P:

180.000 đồng x 11 ngày = 1.980.000 đồng.

- Tiền thu nhập bị mất của ông P:

180.000 đồng x 11 ngày = 1.980.000 đồng.

- Tiền thu nhập bị mất của người chăm sóc cho ông P:

180.000 đồng x 11 ngày = 1.980.000 đồng.

- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho ông P là:

1.490.000 đồng x 45 lần = 67.050.000 đồng.

Tổng cộng buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải bồi thường cho bị hại là ông Nguyễn Văn P tổng số tiền: 86.761.816 đồng (Tám mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm mười sáu đồng).

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 4.338.090 đồng (Bốn triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, không trăm chín mươi đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a, i khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Mạnh T** phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T mức án: **05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2022.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) kéo bằng kim loại dài khoảng 20cm, mũi nhọn, lưỡi kéo mỗi bên rộng khoảng 02cm, cán bọc nhựa (một bên màu đỏ và một bên màu vàng) của bị cáo Nguyễn Mạnh T dùng làm hung khí thực hiện

tội phạm (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 2564/QĐ-VKSBH-HS ngày 06/01/2023 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/01/2023).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải bồi thường cho bị hại là ông Nguyễn Văn P tổng số tiền: 86.761.816 đồng (Tám mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm mười sáu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 4.338.090 đồng (Bốn triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, không trăm chín mươi đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Công an TP. B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo, đương sự (2);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hoàng Phương